

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26 /2021/DS-ST
Ngày: 30 -7 -2021
V/v: “T/c HĐ vay tài sản
giữa bà X và bà M(C)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần

Ông Vũ Xuân Thù

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Kim Cúc – Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:

Bà: Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12 /2021/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1968; hộ khẩu: A 4, TT 15, Đô Thị V, Y, phường V, quận H, Hà nội; nơi ở hiện nay:, Thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

Bị đơn: Bà Đặng Thị M (tên gọi khác Đặng Thị C), sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là bà Trần Thị X: Bà và bà Đặng Thị M tức (C) có quan hệ họ hàng với nhau. Bà M có nói với bà cho vay tiền để đảo nợ Ngân hàng, sau 3 ngày sẽ trả. Ngày 23/3/2018 tức ngày 06/02/2018 âm lịch bà có cho bà M vay 530.000.000 đồng tại nhà bà M. Hai bên có viết giấy biên nhận, Cũng vì là còn họ hàng mà bà M vay có 3 ngày nên bà không lấy lãi. Hết 03 ngày bà hỏi lấy tiền thì bà M bảo đã cho người khác vay nên chưa có trả, bà M nói với bà cho chịu lãi xuất là 1%/ tháng. Mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng mãi 22/11/2018 bà M mới trả bà 30.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà yêu cầu buộc bà M trả bà 696.353.000 đồng gồm gốc và lãi đến 28/4/2021. Cụ

thể tiền gốc là 530.000.000 đồng; lãi từ ngày 26/3/2018 đến 28/4/2021 theo lãi xuất thỏa thuận là 1%/tháng(37 tháng 2 ngày = 196.353.000 đồng được trừ đi 30.000.000 đồng lãi đã trả còn lại 166.353.000 đồng) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong. Việc vay mượn tiền giữ bà và bà M chồng bà không biết, không liên quan gì. Bà M có khai là cho ông Ch vay nhưng bà không cho ông Ch vay. Bà M vay của bà thì phải trả cho bà. Tại phiên tòa bà đề nghị bà M trả lãi cho bà mức lãi xuất 9%/năm.

Bà Đặng Thị M(tức C) trình bày bà là cháu họ bà X. Trước đây ông Trần Đình Ch ở xóm 10, xã Xuân Trung có hỏi vay tiền bà và bà X; nhưng bà X là giáo viên nên không muốn ra mặt nên bà X đem tiền vào nhà bà cho ông Ch vay 530.000.000 đồng, số tiền này bà X mang vào làm nhiều lần; bà cũng có 100.000.000 đồng cũng đưa cho ông Ch vay luôn. Ông Ch nói vay cho cháu ông đảo nợ Ngân hàng; ông Ch mới trả 30.000.000 đồng bà đưa cho bà X còn lại 600.000.000 đồng ông Ch và cháu ông Ch không trả cho bà và bà X. Trước đây bà X có bảo bà viết giấy nhận nợ để chồng bà X khỏi đánh bà ấy. Lần 1 bà viết cho bà X mang về thì bà X bảo viết lại theo ý bà đọc để chồng bà ấy tin. Sau đó bà X lại nói viết lại cho bà ấy tờ thứ hai, bà X còn đưa xã hội đen đến đe dọa bà. Nay bà nhất trí là đã nhận 530.000.000 đồng từ bà X nhưng bà đã cho ông Ch vay, nay ông Ch chưa trả, khi nào ông Ch trả bà thì bà sẽ trả cho bà X. Về phần lãi bà sẽ nói chuyện với ông Ch và sẽ có ý kiến sau, bà không nhất trí lãi 1%/tháng như bà X yêu cầu. bà cũng không nhất trí mức lãi 9%/năm bà X nêu.

Ông Trần Đình Ch có lời khai trình bày :Ông không có họ hàng gì với bà X, bà M(tức C) mà biết nhau do có giao dịch làm ăn.Ông có người cháu Đặng Thị V gốc X lấy chồng ở phố B, N, Ninh Bình nói có ai cho vay tiền thì mách cho cháu. Ông có giới thiệu V gặp bà M mấy lần còn vay mượn thế nào ông không biết. khoảng tháng 6/2017 cháu V có hỏi vay bà M tiếp thì M có gọi cho ông là ông phải viết biên nhận vay tiền của bà M thì M mới cho V vay tiền nhưng ông có điện thoại cho M là V phải có tài sản thế chấp và vợ ông sang nhận tiền đưa cho V thì ông mới chịu trách nhiệm còn nếu V không có tài sản thế chấp thì không cho V vay và ông bảo M xé tờ giấy nhận nợ của ông đi. Ông viết giấy cho V tại Nam Định cho V mang về nhưng không thấy M trao đổi lại cho ông biết, ông không hỏi lại. Khi bà X tố cáo M ra Công an thì ông được gọi về nhưng bản thân ông không biết M cho V vay bao nhiêu tiền, M cũng không gọi vợ ông sang nhận tiền đưa cho V. Do đó ông không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà X và bà M.

Ông Trần Đức H là chồng bà X cũng có lời khai không biết gì việc bà X cho bà M vay tiền vì đây là tiền riêng của vợ ông.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Căn cứ Điều 463, Điều

468 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bà M(tức C) trả cho bà X số tiền gốc là 530.000.000đ và số tiền lãi theo qui định của pháp luật sau khi đã trừ đi số tiền lãi 30.000.000đ đã trả. Bà M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về số tiền 530.000.000 đồng tiền gốc bà M đã thừa nhận nhận từ bà X để đưa cho ông Ch; bà X xác định cho vay 03 ngày nên không lấy lãi, việc bà nói bà M nhận mức lãi 1%/tháng không có căn cứ; bà M không nhất trí lãi xuất bà X đưa ra nhưng trong Giấy khất nợ ngày 16/7/2018 bà M đã khất đến Tết 01/01/2019 âm lịch(tức 05/02/2019 dương lịch) không trả được cho bà X thì bà sẽ trả lãi theo lãi xuất Ngân hàng cho vay.

Khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);”.

Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “1. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ lãi thì lãi, lãi xuất được xác định như sau:

a.Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi xuất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi xuất và có tranh chấp thì lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

b.Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi xuất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc);”. Theo khoản 1 Điều 468 thì lãi xuất cho vay không được vượt quá 20%/năm

và theo khoản 2 Điều 468 thì lãi xuất tính là 10%/năm nhưng bà X chỉ yêu cầu trả nợ theo lãi xuất ngân hàng từ 26/3/2018, mức lãi tính là 9%/năm.

Cho nên khoản tiền vay 530.000.000 đồng ngoài phải trả gốc thì được tính lãi kể từ 23/3/2018 đến 30/7/2021 như sau: $530.000.000 \text{ đồng} \times (9\% : 12) \times 40 \text{ tháng} = 159.927.500 \text{ đồng}$; Như vậy bà M phải trả bà X: 530.000.000 đồng tiền gốc + 159.927.500 đồng tiền lãi = 689.927.500 đồng được trừ 30.000.000 đồng đã trả còn phải trả là 659.927.500 đồng.

Ngoài ra bà M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả thi hành án theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Bà M phải nộp là 30.397.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Bà X, bà M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Ông Trần Đình Ch không trực tiếp vay tiền bà X, không ký nhận trong giấy vay tiền, nên xác định không là người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án như đề nghị của bà M.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 1, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị X. Buộc bà Đặng Thị M (tức Đặng Thị C) có trách nhiệm trả nợ bà Trần Thị X số tiền 689.927.500 đồng bao gồm 530.000.000 đồng tiền nợ gốc và 159.927.500 đồng tiền lãi được trừ 30.000.000 đồng đã trả trước còn phải trả là 659.927.500 đồng.

2. Về án phí: Bà M (tức C) phải nộp là 30.397.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bà X, bà M (tức C) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND TT X;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

Phạm Ngọc Quỳnh